

BUỐC ĐẦU TÌM HIỂU THÀNH NGŨ NGA DƯỚI CÁCH NHÌN CỦA VĂN HÓA HỌC

Th.s DƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Khoa Nga - Đại học Sư phạm Đà Nẵng

Thành ngữ Nga và việc nghiên cứu những đặc trưng văn hóa của nó là vấn đề được quan tâm trong những năm gần đây. Nhiều tác giả đã có những công trình đề cập đến thành ngữ Nga như Trương Đông San [4], Nguyễn Xuân Hòa [9] ... Qua khảo sát những đặc trưng văn hóa của thành ngữ Nga, chúng tôi rút ra được một số nhận xét bước đầu về việc tìm hiểu thành ngữ Nga dưới cách nhìn của văn hóa học.

1. Mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ

Có thể nói sự phát triển của văn hóa dân tộc Nga được xem xét qua sự phát triển của tiếng Nga nói chung, thành ngữ Nga nói riêng. Ngôn ngữ Nga là bộ phận không thể tách rời của kết cấu văn hóa dân tộc Nga. Sự liên quan hữu cơ giữa tiếng Nga và các khía cạnh khác của văn hóa Nga gắn gũi tới mức không một bộ phận nào thuộc về văn hóa của một dân tộc lại có thể được nghiên cứu tách rời khỏi các biểu tượng ngôn ngữ trong hoạt động của chúng.

Tác giả Dell Hymes trong tuyển tập "Ngôn ngữ trong văn hóa xã hội" (1960) đã đề cao vai trò của ngôn ngữ trong văn hóa. Ngôn ngữ là một bộ phận không thể thiếu được của văn hóa loài người.

Theo giáo sư Nguyễn Lai thì : "Sự hình thành ngôn ngữ là tiền đề nhiều mặt của sự hình thành văn hóa, mặc dù theo cách sắp xếp hình thức thì ngôn ngữ nằm trong phạm trù văn hóa" (Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa. Hà Nội, 1993).

2. Khi nói đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, điều quan trọng chúng tôi nhận thấy : ngôn ngữ là phương tiện, là cái cầu để mở rộng giao lưu trao đổi, mở rộng tầm hiểu biết về văn hóa giữa các cộng đồng nói chung ...

Ngôn ngữ không chỉ là tiền đề tạo ra đối tượng văn hóa mà hơn thế nữa, từ trong chiều sâu, trước hết là tiền đề tạo ra "con người".

Trên nhiều cấp độ, ngôn ngữ là tiền đề cho đối tượng văn hóa phát triển. Và sự phát triển của văn hóa tạo tiền đề trở lại cho ngôn ngữ phát triển.

3. Thành ngữ là một thành tố văn hóa.

Thành ngữ phản ánh nền văn hóa của một dân tộc. Ngoài chức năng là công cụ tư duy và giao tiếp của con người, ngôn ngữ còn có chức năng phản ánh, chức năng tàng trữ liên quan đến văn hóa của một cộng đồng. Ngôn ngữ của dân tộc Nga là tấm gương phản ánh tâm tư, tình cảm và cách tư duy của dân tộc Nga. Trong đó thành ngữ với phương thức phản ánh thế giới bằng hình tượng, biểu tượng, qua hình ảnh cụ thể, mang tính biểu trưng của con người đã được lựa chọn. Vì vậy, thông qua thành ngữ có thể cảm nhận được hình ảnh đặc thù của mỗi cộng đồng người thể hiện ở nghĩa hình tượng đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc của cộng đồng ấy.

Thành ngữ là một đơn vị ngôn ngữ, đồng thời cũng là một thành tố văn hóa. Chính vì vậy nó mang trong mình những đặc trưng văn hóa dân tộc, những biểu trưng dân tộc. Ở phương diện này thành ngữ được coi như một thực thể văn hóa, trong đó yếu tố làm lộ rõ nhất đặc trưng văn hóa dân tộc là nét nghĩa của thành ngữ. Nó phản ánh những mối liên tưởng với hiện thực đời sống của mỗi cộng đồng người. Tìm hiểu thành ngữ dưới góc độ là một thành tố văn hóa, phản ánh bản sắc văn hóa của dân tộc đóng vai trò hết sức quan trọng, nó liên quan đến phong tục tập quán, lối sống, nếp nghĩ và phép ứng xử của mỗi dân tộc.

Ví dụ : thành ngữ *Налететь соли съестъ с кем* thì nghĩa đen, nghĩa khởi nguyên là "ăn hết một pút muối", nhưng trong tâm thức người Nga thì bánh mì và muối là món ăn chính của họ. Nó nằm trong mối liên tưởng trong đời sống người Nga. Cùng ăn với nhau được nhiều muối - có nghĩa là cùng chung sống với nhau thân thiết, gần gũi, vì vậy có cách dịch tương ứng trong tiếng Việt là : *Ăn một mâm, nằm một chiếu*.

Я хорошо знаю этого человека. Мы с ним пуд соли съели.

Người này tôi biết rất rõ. Chúng tôi đã cùng ăn một mâm nằm một chiếu với nhau mãi rồi.

Chúng tôi nhận thấy việc dạy - học thành ngữ chỉ dựa vào cấu trúc ngữ nghĩa của thành ngữ sẽ làm cho người học ngoại ngữ sử dụng thành ngữ trong hệ thống một ngoại ngữ không thành thạo bởi vì không lưu giữ được trong tâm thức người học những yếu tố ngoài ngôn ngữ tăng trữ xung quanh thành ngữ ấy và thường lúng túng khi phải lựa chọn thành ngữ nào trong cảnh huống đặt ra, hoặc không có sự liên tưởng tương ứng khi phải tiếp cận với một thành ngữ khác tăng trữ những yếu tố ngoài ngôn ngữ tương tự trong tri thức nền của người bản ngữ.

4. Trong phạm vi của bài nghiên cứu này chúng tôi xin được nêu ra nét đặc trưng tư duy của người Nga theo quy luật nội quan logic có tính phổ quát. Đó chính là những nhận xét, đánh giá của người Nga đối với hiện thực khách quan bằng ngôn ngữ (ở đây là thành ngữ) về con người, hiện tượng trong đời sống thực tại được thể hiện ra như một chân lý.

биться как рыба об лёд

белая ворона

вешать нос

взять быка за рога

воды не замутит

голодный как волк

два сапога пара

делить шкуру неубитого медведя

дрожить как осиновый лист

медвежья услуга

đã tròng xe cát

kẻ lạc lõng, khác người

buồn thiu như mèo cắt tai

vào hang bắt cộp

hiền lành như bụt

đói vàng mắt

cùng một giuộc

chưa đồ ông nghề đã đe hàng tổng

run như cây sậy

làm ơn mắc oán

Có rất nhiều thành ngữ Nga mà ý nghĩa của chúng nói về con người, về hiện thực khách quan mà nhiều dân tộc khác thừa nhận như nhau :

до последней капли крови

кожа да кости

как две капли воды

как рыба в воде

путеводная звезда

крокодиловы слёзы

Ахиллесова пята

в костюме Адама

играть с огнём

смотреть сквозь розовые очки

đến giọt máu cuối cùng

da bọc xương

giống như hai giọt nước

như cá gặp nước

ngôi sao dẫn đường

nước mắt cá sấu

gót chân Asin

trong trang phục Adam

chơi với lửa

nhìn qua cặp kính hồng

“Mỗi ngôn ngữ đều có đủ phương tiện để biểu đạt được tư duy logic của con người. Tuy nhiên hiện thực khách quan ở các khu vực ngôn ngữ khác nhau trên thế giới được chia ra theo các lát cắt khác nhau, và những lát cắt ấy được hiện thực hóa khác nhau trong tư duy của mỗi dân tộc về hiện thực khách quan ấy” (Tiến sĩ Nguyễn Xuân Hòa, Hà nội, 1996). Do đặc trưng văn hóa và tư duy dân tộc khác nhau dẫn đến “ô trống ngôn ngữ” và sẽ tạo nên những đơn vị thành ngữ có ý nghĩa đặc trưng riêng không trộn lẫn. Tính không thể trộn lẫn này của thành ngữ không chỉ giúp chúng ta hiểu được giá trị giao tiếp của chúng mà còn gợi mở và sử dụng đúng những đơn vị thành ngữ khác theo những môtip có thể tri giác được.

5. Dạy - học, nghiên cứu thành ngữ Nga phải xuất phát từ đặc trưng văn hóa dân tộc Nga, yếu tố chi phối những hình ảnh biểu trưng phản ánh nội dung ngữ nghĩa. Đây là yếu tố quan trọng để xem xét giá trị giao tiếp của thành ngữ trong nhiều trường hợp không giống nhau về phong cách và phạm vi sử dụng.

Khi đối chiếu thành ngữ Nga - Việt chúng ta cần thận trọng khi gặp thành ngữ có hình ảnh biểu trưng giống nhau nhưng nội dung ý nghĩa của thành ngữ khác nhau. Những thành ngữ kiểu

này, theo tiến sĩ Nguyễn Xuân Hòa, là những tương đương giả : язык без костей ≠ *lười không xương*; палка о двух концах ≠ *đòn xóc hai đầu* ...

Có những đơn vị thành ngữ có ở ngôn ngữ này nhưng không có ở ngôn ngữ khác. Đó là những thành ngữ có ý nghĩa đặc ngữ riêng của từng dân tộc mang tính riêng biệt “không trộn lẫn” (*gét nàng Bán, nợ như chúa Chổm, казанская сирота, как Мамай прошёл* ...)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Виноградов В. В. Русский язык. Грамматическое учение о слове. М. 1974.
2. Косовский Б. И. Общее языкознание. Минск 1974.
3. Молотков А. И. Фразеологический словарь русского языка. М. 1986.
4. Чыонг Донг Шан. Фразеологические обороты в русском языке и способы их передачи на вьетнамский язык. Автореферат кандидатской диссертации. М. 1972.
5. Шанский Н. М. Фразеология современного русского языка. М. 1985.
6. Шуба П. П. Современный русский язык. Часть I: Фонетика. Лексика и фразеология. Минск 1979.
8. Hoàng Văn Hành, Nguyễn Như Ý. *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ*. Hà nội 1999.
9. Nguyễn Xuân Hòa. *Đối chiếu thành ngữ Nga - Việt trên bình diện giao tiếp*. Luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn 1996.
10. Trần Quốc Vượng. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội, 1999.
11. Trần Ngọc Phong, Lê Đình Bích, M. I. Dubrovin, A. T. Antonian. *Thành ngữ Nga với mình họ*. Hậu Giang, 1987.
12. Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội, 1991.

THỬ TÌM HIỂU TRƯỜNG NGHĨA VĂN HÓA - NGÔN NGỮ CHỈ QUAN HỆ HỌ HÀNG TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NGA

TS.KH NGUYỄN TRỌNG DO

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Gia đình và gia tộc giữ một vị trí to lớn trong đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người Việt Nam. Gia đình không những chỉ là cơ chế xã hội với chức năng tái sản xuất sức lao động, mà còn là đơn vị lưu giữ và phát triển hệ thống giá trị tinh thần của dân tộc. Nhóm danh từ chỉ quan hệ thân thuộc trong tiếng Việt xuất hiện từ thời cổ đại và phát triển độc lập so với tiếng Hán. Một số từ thuần Việt như *ông đực, bà đực, ông cái, bà cái* sau này do chịu ảnh hưởng mang tính chất áp đặt mới được thay thế bằng từ vay mượn từ tiếng Hán thành *ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại*. Những từ chỉ người có quan hệ gia đình, họ hàng trong tiếng Việt hết sức phong phú và có giá trị lớn, khi chúng ta xem xét về mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. Chúng trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học nhiều thế hệ khác nhau : Trần Trọng Kim, Bùi Đức Tịnh (dẫn theo 1) miêu tả chúng trong hệ thống đại từ nhân xưng, Nguyễn Tài Căn miêu tả chúng trong từ loại danh từ. Một số tác giả gần đây đối chiếu nhóm từ này của tiếng Việt với ngôn ngữ khác : Nguyễn Thị Phương so sánh chúng với tiếng Nga về ý nghĩa từ vựng và cấu tạo từ; Nguyễn Văn Chiến và Nguyễn Quang cũng đã nghiên cứu, so sánh chúng trong chức năng đề xưng, hô với một số ngôn ngữ Ấn - Âu và khu vực. Trong các công trình của mình các tác giả đều xem xét những từ chỉ quan hệ họ hàng với tư cách là từ trong hệ thống ngôn ngữ, mặc dù ở mức độ nhất định họ có nói đến nội dung ngoài